

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HS-ST

Ngày 10/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và ông Ngô Minh Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo NGUYỄN VĂN L, sinh ngày 22/7/1990 tại xã M. huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1971; Tiền án: 03.

- Bản án số 61/HSST ngày 12/8/2013 Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 480.000 đồng, bồi thường trách nhiệm dân sự 9.600.000 đồng, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 23/3/2014, thi hành xong án phí ngày 15/10/2013, chưa bồi thường về trách nhiệm dân sự.

- Bản án số 43/HSST ngày 24/10/2014 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nộp án phí 200.000 đồng, chấp hành xong bản án ngày 8/3/2015.

- Bản án số 11/HSST ngày 12/4/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, án phí 200.000 đồng, bồi thường cho bị hại 4.300.000 đồng. Bản án số 61/HSPT ngày 6/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 08 năm tù, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 27/12/2022.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 19/3/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái B1. *(Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị cáo VŨ VĂN Q sinh ngày 18/9/1988 tại xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Vũ Văn Đ sinh năm 1963 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1966; Tiền án: Bản án số 28/HSST ngày 29/9/2009 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 417.850 đồng, bồi thường trách nhiệm dân sự 8.357.000 đồng, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 18/5/2010, thi hành xong án phí ngày 05/01/2010, chưa bồi thường về trách nhiệm dân sự; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 48B/HSST ngày 03/7/2013 Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 03 năm 3 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, án phí 200.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 06/01/2016, thi hành xong án phí ngày 16/8/2013; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 19/3/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

- Người chứng kiến:

+ Anh Phạm Khánh V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà H, tổ dân phố số C, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

+ Anh Lê Tiến D, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số nhà B, tổ dân phố số D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

+ Ông Phạm Quang H, sinh năm 1970; *(Vắng mặt)*

+ Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1964; *(Vắng mặt)*

+ Anh Tạ Hồng C, sinh năm 1967; *(Vắng mặt)*

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/3/2024, Nguyễn Văn L2 gọi điện từ số thuê bao 0961652459 trên ứng dụng Zalo tên Long T đến số thuê bao 0393894421 trên ứng dụng Zalo của Vũ Văn Q1 rủ Q1 đến nhà L2 rồi đi mua ma túy để sử dụng. Q1 đồng ý điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter sơn màu đen biển kiểm soát 17AA-644.55 từ nhà Q1 đến nhà L2 chở L2 đến khu vực thôn T, xã T, huyện T, L2 bảo Q1 dừng xe, sau đó L2 xuống đi bộ vào một ngõ tìm mua ma túy, lúc sau L2 quay lại nói đã mua được ma túy và bảo Q1 đi về. Trên đường về, Q1 vào hiệu thuốc tân dược mua 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất rồi chở L2 về. Khi đi đến khu vực chợ B2 thuộc địa phận thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng lại để kiểm tra, Q1 đã quay xe, L2 nhảy xuống bỏ chạy thì bị Công an bắt giữ. Trước sự chứng kiến của anh Lê Tiến D, anh Phạm Khánh V, ông Phạm Quang H và bà Phạm Thị H1, tổ công tác đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho L2 và Q1, tiến hành quay video và kiểm tra người L2 phát

hiện tại túi quần bên trái phía trước L2 đang mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen đã qua sử dụng, kiểm tra túi quần bên phải phía trước L2 đang mặc có 01 gói được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, mở ra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục nghi là ma túy, kiểm tra túi áo khoác bên phải phía trước L2 đang mặc có 01 bao thuốc lá loại Thuốc lá Thăng Long vỏ màu vàng, bên trong có 15 điếu thuốc lá chưa sử dụng, ngoài ra không thu giữ gì khác. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói chất bột màu trắng dạng cục, 01 bao thuốc lá chứa 15 điếu thuốc lá thu của L2. Tổ công tác tiến hành kiểm tra người Quảng phát hiện tại túi quần bên phải, phía trước Q1 đang mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME vỏ màu xanh đã qua sử dụng, phát hiện tại túi áo khoác bên phải Q1 đang mặc có 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc và 01 lọ nước cất thể tích 02ml chưa sử dụng. Kiểm tra xe mô tô biển kiểm soát 17AA-644.55 không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã đưa L2, Q1 cùng vật chứng và mời những người chứng kiến về trụ sở Công an xã H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục theo quy định. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L2, Vũ Văn Q1 không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Bản kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 16/3/2024 của Phòng K công an tỉnh T, kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là ma túy; loại Heroin (H), có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có khối lượng 0,3257 gam (không phải ba nghìn hai trăm năm mươi bảy gam). Heroine STT: 09, Danh mục IA, phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKSTT ngày 26/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị:

+ Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2 từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/3/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Q1 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/3/2024.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm

a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 0,2395 gam và toàn bộ bao gói thu giữ của Nguyễn Văn L2 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 363/KL-KTHS của Phòng K - Công an tỉnh T; 01 vỏ bao thuốc lá màu vàng nhãn hiệu Thuốc lá Thăng Long, bên trong có 15 điếu thuốc; 01 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất chưa sử dụng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen đã qua sử dụng thu của L2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME vỏ màu xanh đã qua sử dụng thu của Q1. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện T, Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện T lập; Biên bản niêm phong đồ vật do Công an huyện T lập; Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Vũ Văn Q1 và Nguyễn Văn L2 đều dương tính với chất ma túy trong cơ thể loại Heroin (kết quả xét nghiệm của L2 có cả Methamphetamin); Bản kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 16/3/2024 của Phòng K công an tỉnh T; Biên bản làm việc khai thác điện thoại của Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1; Biên bản sao lưu dữ liệu video bắt giữ L2 và Q1; Bản kết luận giám định số 630/KL-KTHS ngày 21/5/2024; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: anh Phạm Khánh V, anh Lê Tiến D, ông Phạm Quang H, bà Phạm Thị H1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 18 giờ ngày 12/3/2024, tại đường thuộc thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Văn L2 đã có hành vi tàng trữ trái phép ở túi quần phía trước bên phải L2 đang mặc 01 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3257 gam, số ma túy trên là của L2 và Vũ Văn Q1 mua được mục đích để sử dụng chung, bị Công an huyện T bắt quả tang. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 phạm tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

o) Tái phạm nguy hiểm

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được tác hại rất lớn của ma túy, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp mua về và cất giữ trong người để sử dụng cho bản thân với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo Nguyễn Văn L2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn Q1 phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình truy tố và tại phiên tòa các bị cáo L2, Q1 thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đây là vụ án đồng phạm đơn giản, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc và phân công vai trò cụ thể từ trước. Bị cáo L2 là người khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bỏ tiền trực tiếp mua và tàng trữ ma túy trong túi quần đang mặc nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất, bị cáo Q1 là người chở L2 đi mua ma túy là người giúp sức hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả, vai trò hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân

thân của các bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý nghiêm minh, xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Do các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 0,2395 gam ma túy, loại Heroin sau khi lấy mẫu giám định và toàn bộ bao gói thu giữ của Nguyễn Văn L2 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 363/KL-KTHS của Phòng K - Công an tỉnh T là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy, 01 vỏ bao thuốc lá màu vàng nhãn hiệu Thuốc lá Thăng Long, bên trong có 15 điếu thuốc; 01 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất chưa sử dụng là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu đen đã qua sử dụng thu của L2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME vỏ màu xanh đã qua sử dụng thu của Q1 là vật các bị cáo dùng để liên lạc rủ nhau đi mua ma túy có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Nguyễn Văn L2 khai ngày 12/3/2024 có đến nhà người có tên là V1 ở thôn T, xã T để đòi nợ và V1 trả bằng ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định trên địa bàn thôn T có 02 công dân tên là V1, trong đó: 01 người là Nguyễn Văn V2, sinh năm 1987 đi xuất khẩu tại Đài Loan, 01 người là Vũ Đức V3 lao động tự do ở xã T, chưa có tiền án, tiền sự và không trong diện đối tượng sử dụng ma túy tại xã T. Ngày 12/3/2024 Vũ Đức V3 khai ở nhà với mẹ đẻ và không quen biết Nguyễn Văn L2, không nợ nần, không bán ma túy cho L2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt:

+ Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/3/2024.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q1 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/3/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,2395 gam ma túy loại Heronie và toàn bộ bao gói thu giữ của Nguyễn Văn L2 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 363/KL-KTHS của Phòng K - Công an tỉnh T và 01 vỏ bao thuốc lá màu vàng nhãn hiệu Thuốc lá Thăng Long và mẫu vật sau giám định trong phong bì niêm phong số 3271/KTHS của V4 Bộ C2, 01 chiếc bơm kim tiêm loại 3ml/cc chưa qua sử dụng, 01 lọ nước cất thể tích 02ml chưa sử dụng còn nguyên vẹn.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen đã qua sử dụng thu của Nguyễn Văn L2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME vỏ màu xanh đã qua sử dụng thu của Vũ Văn Q1.

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 26/6/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn L2 và Vũ Văn Q1 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/7/2024.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Công an t. Thái Bình (PC10, PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Q2

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn T1 và bà Vũ Thị Thuý

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 55A/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Trương Đức H2**, sinh ngày 08/4/1971 tại huyện T, tỉnh Thái Bình;
Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

2. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập là hợp pháp, khách quan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

3. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

4. Về tội danh: Có căn cứ để kết tội bị cáo Trương Đức H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

5. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Đức H2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 01/02/2023, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a

khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,2105gam Heroine cùng toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 122/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T..

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 11/5/2023).

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

7. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trương Đức H2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

8. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Đức H2 trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

9. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Trương Đức H2 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/6/2023.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 20 phút ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh